

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15), Bộ Tư pháp trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) với các nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 23/4/2026, Quốc hội khóa XVI tại Kỳ họp thứ Nhất đã thông qua Luật Hộ tịch số 03/2026/QH16 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027). Luật Hộ tịch năm 2026 đã phân quyền triệt để cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong đăng ký hộ tịch; cải cách thủ tục hành chính theo hướng đăng ký hộ tịch phi địa giới hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, sử dụng, khai thác dữ liệu thay thế cho giấy tờ bằng giấy; quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia.

Luật Hộ tịch năm 2026 giao Chính phủ quy định chi tiết Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 14 và các điều từ Điều 15 đến Điều 27 Luật Hộ tịch, điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác hộ tịch, cập nhật, làm sạch dữ liệu hộ tịch lịch sử, dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trước đây; phương thức, thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch; xác nhận tình trạng hôn nhân; đăng ký lại kết hôn.

Ngoài các nội dung được giao quy định chi tiết, để triển khai có hiệu quả các quy định của Luật Hộ tịch năm 2026, còn nhiều nội dung cần Chính phủ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành thuộc thẩm quyền của Chính phủ, gồm:

ủy quyền đăng ký hộ tịch; giải quyết yêu cầu đăng ký khi không nhận được kết quả xác minh; từ chối đăng ký hộ tịch; đăng ký hộ tịch lưu động...

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 29/5/2026 về Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XVI thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, trong đó phân công Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch năm 2026 (sau đây gọi là Nghị định), thời hạn trình Chính phủ là tháng 11 năm 2026.

Việc ban hành Nghị định, song song với việc thực hiện các nhiệm vụ Luật Hộ tịch giao, còn tiếp tục thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính như: Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 16/3/2025 và Nghị quyết số 66.7/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến và các Nghị định sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tiến trình cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, thay đổi mô hình chính quyền địa phương, gồm: Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch từ năm 2016 đến nay đã có những bước chuyển biến tích cực, hiệu quả, phục vụ đắc lực cho hoạt động quản lý nhà nước về dân cư, bảo đảm quyền con người và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, trong bối cảnh cần đáp ứng nhanh, kịp thời các yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thì những quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Nghị định số 87/2020/NĐ-CP đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế do không còn phù hợp bối cảnh mới, cụ thể:

Thứ nhất, hầu hết các thủ tục đăng ký hộ tịch đều quy định thẩm quyền theo nơi cư trú của người dân; một số quy định chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình (người đi đăng ký hộ tịch phải có mặt để ký vào Sổ hộ tịch; công chức tư pháp – hộ tịch vừa phải ghi vào Sổ hộ tịch giấy vừa phải nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử...).

Thứ hai, nhiều quy định về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch yêu cầu người dân phải cung cấp hoặc xuất trình giấy tờ để chứng minh thông tin. Người dân vẫn phải cung cấp lại những giấy tờ, tài liệu mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác được từ hệ thống dữ liệu điện tử.

Thứ ba, các quy định hiện hành chưa tạo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực hiện đăng ký hộ tịch chủ động; trách nhiệm cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan phục vụ đăng ký khai sinh, khai tử và các việc hộ tịch khác chưa đầy đủ, đồng bộ.

Thứ tư, các quy định về xây dựng, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử còn hạn chế trong việc điều chỉnh các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô lớn, khai thác dữ liệu liên ngành; chưa phù hợp các yêu cầu mới về quản trị dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, kiểm soát chất lượng dữ liệu.

Thứ năm, quy định về phân cấp, phân quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch không còn phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính và sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay.

Thứ sáu, một số quy định chưa thống nhất với quy định của pháp luật liên quan như Luật Quốc tịch Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Cán bộ, công chức...; nhiều trường hợp phát sinh trên thực tiễn chưa được dự liệu và chưa có quy định điều chỉnh cần được khắc phục.

Các quy định được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch năm 2026 để có hiệu lực cùng với Luật Hộ tịch từ ngày 01/3/2027 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về đăng ký hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, hiệu lực và hiệu quả, để áp dụng, bám sát các quy định của Luật Hộ tịch;

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, tạo thuận lợi nhất cho người yêu cầu đăng ký hộ tịch;

c) Tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trên thực tiễn.

2. Quan điểm xây dựng

a) Bảo đảm đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; bảo đảm quy định chi tiết đầy đủ các điều, khoản, điểm được giao trong Luật Hộ tịch và một số biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành Luật Hộ tịch.

b) Bảo đảm thực hiện chủ trương cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đăng ký hộ tịch.

c) Tiếp tục kế thừa những quy định có giá trị, hiệu quả trên thực tế của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2025/NĐ-CP.

d) Bảo đảm khắc phục những bất cập, khó khăn trong thực tiễn thi hành hiện nay và phù hợp với các quy định mới có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã triển khai các công việc sau:

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1000/QĐ-BTP ngày 14/4/2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

2. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh (Công văn sốBTP-HCTP ngày ...), ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Công văn sốBTP-HCTP ngày ...) và được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến góp ý rộng rãi trong nhân dân.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý các nội dung của dự thảo Nghị định.

3. Ngày ..., dự thảo Nghị định đã được thẩm định và có Báo cáo thẩm định số ngày Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị định quy định chi tiết Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 14 và các điều từ Điều 15 đến Điều 27 Luật Hộ tịch, điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác hộ tịch; cập nhật, thu thập, làm sạch dữ liệu hộ tịch lịch sử, dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trước đây; phương thức, trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch, xác nhận tình trạng hôn nhân; đăng ký lại kết hôn; lộ trình đăng ký khai sinh, khai tử chủ động và đăng ký hộ tịch lưu động.

Đối tượng áp dụng của Nghị định là cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch trong nước (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã), Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cá nhân, tổ chức có yêu cầu đăng ký hộ tịch, các cơ quan có nhu cầu kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 5 Chương, 61 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung (gồm 11 điều, từ Điều 1 đến Điều 11), quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; cung cấp, khai thác thông tin khi đăng ký hộ tịch; giấy tờ đăng ký hộ tịch tại khu vực biên giới; nộp, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đăng ký hộ tịch; giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch khi không nhận được kết quả xác minh; từ chối đăng ký hộ tịch; thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch; ủy quyền đăng ký hộ tịch; lộ trình, điều kiện đăng ký khai sinh chủ động, khai tử chủ động.

- Chương II: Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã (gồm 7 mục, 25 điều, từ Điều 12 đến Điều 36) quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký các việc hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã, bao gồm:

Mục 1. Đăng ký khai sinh (từ Điều 12 đến Điều 16);

Mục 2. Đăng ký kết hôn (từ Điều 17 đến Điều 20);

Mục 3. Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ, giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ (từ Điều 21 đến Điều 23);

Mục 4. Đăng ký nhận cha, mẹ, con (từ Điều 24 đến Điều 26);

Mục 5. Thay đổi thông tin hộ tịch (từ Điều 27 đến Điều 29);

Mục 6. Đăng ký khai tử (từ Điều 30 đến Điều 33);

Mục 7. Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện, thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (từ Điều 34 đến Điều 36).

- Chương III: Cơ sở dữ liệu hộ tịch, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch (gồm 02 mục, 14 điều, từ Điều 37 đến Điều 50), trong đó:

Mục 1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch (từ Điều 37 đến Điều 45) quy định về vận hành, nâng cấp, phát triển, cập nhật, thu thập, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch; kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch với Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác; hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân; xóa, khôi phục dữ liệu; quản lý tài khoản người dùng; bảo vệ Cơ sở dữ liệu hộ tịch;

Mục 2. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch (từ Điều 46 đến Điều 50) quy định về khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch; cấp bản sao giấy tờ hộ tịch; xác nhận thông tin hộ tịch của cá nhân; xác nhận tình trạng hôn nhân; thống kê số liệu đăng ký hộ tịch.

- Chương IV: Trách nhiệm của cơ quan nhà nước về hộ tịch, người làm công tác hộ tịch (gồm 02 mục, 08 điều, từ Điều 51 đến Điều 58), quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và điều kiện, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, việc tuyển dụng, bố trí, bồi dưỡng người làm công tác hộ tịch.

- Chương V: Điều khoản thi hành (gồm 03 điều, từ Điều 59 đến Điều 61), quy định về điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành Nghị định.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Nội dung của dự thảo Nghị định

3.1.1. Về các quy định chung (chương I)

- *Cung cấp, khai thác thông tin khi đăng ký hộ tịch, trả kết quả đăng ký hộ tịch, từ chối yêu cầu đăng ký hộ tịch, thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, ủy quyền đăng ký hộ tịch:* Để đáp ứng yêu cầu về sử dụng dữ liệu, tái sử dụng dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu của nhà nước, cụ thể hóa quy định tại Điều 3 của Luật Hộ tịch, dự thảo Nghị định quy định người đi đăng ký hộ tịch có trách nhiệm cung cấp thông tin nhân thân, thông tin về giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký hộ tịch để cơ quan đăng ký hộ tịch tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu. Chỉ trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác không đầy đủ theo quy định thì mới được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp hoặc xuất trình giấy tờ (*Điều 3*).

- *Cụ thể hóa Điều 10 Luật Hộ tịch năm 2026 về trả kết quả đăng ký hộ tịch,* dự thảo Nghị định quy định bản điện tử giấy tờ hộ tịch được trả về Kho quản lý dữ liệu điện tử cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thư điện tử hoặc Ứng dụng định danh quốc gia VNeID; bản chính, bản sao giấy tờ hộ tịch được cấp theo yêu cầu của người đăng ký hộ tịch (*Điều 6*).

- *Điều 5 Luật Hộ tịch năm 2014 quy định nguyên tắc “trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do”,* khắc phục khoảng trống của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP - chỉ quy định từ chối đăng ký kết hôn, từ chối ghi vào Sổ hộ tịch việc đăng ký kết hôn, dự thảo Nghị định đã có một điều riêng về từ chối đăng ký hộ tịch, làm căn cứ chung để từ chối các yêu cầu đăng ký hộ tịch, bảo đảm minh bạch, rõ ràng và tạo thuận lợi cho cơ quan đăng ký hộ tịch (*Điều 8*).

- *Về thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch:* Theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2014 và Nghị định số 120/2025/NĐ-CP, cơ quan đăng ký hộ tịch không được tự ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch đã cấp/đăng ký sau quy định mà phải gửi văn bản lên cơ quan có thẩm quyền cấp trên để ra quyết định thu hồi, hủy bỏ. Để nâng cao tính “tự chịu trách nhiệm của địa phương” đồng thời phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết Điều 14 Luật Hộ tịch năm 2026 theo hướng cơ quan nào cấp giấy tờ hộ tịch, cơ quan đó có trách nhiệm thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch; đồng thời bổ sung quy định về hệ quả pháp lý của quan hệ được xác lập từ giấy tờ hộ tịch đã bị thu hồi, hủy bỏ (*Điều 9*).

Đối với giấy tờ hộ tịch do Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trước đây thì sẽ do Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm thu hồi, huỷ bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây cấp, đăng ký trái quy định pháp luật, trừ trường hợp hủy kết hôn trái pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 (*khoản 2 Điều 59*).

- Về ủy quyền đăng ký hộ tịch: dự thảo Nghị định thu hút quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP để bảo đảm các nội dung về thủ tục hành chính đăng ký hộ tịch do Chính phủ quy định thống nhất. Theo đó, người đăng ký hộ tịch được ủy quyền cho người khác thực hiện thay, trừ trường hợp đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn, đăng ký giám hộ, đăng ký nhận cha, mẹ, con; việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền (*Điều 10*).

3.1.2. Về thủ tục đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã (Chương II)

Thực hiện chủ trương đổi mới tư duy lập pháp, Luật Hộ tịch năm 2026 giao Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Vì vậy, Chương II dự thảo Nghị định quy định 25 điều (từ Điều 12 đến Điều 36) về thành phần hồ sơ, trình tự, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch. Bên cạnh việc kế thừa các quy định còn giá trị của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và thu hút các quy định về thành phần hồ sơ, trình tự giải quyết tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP, dự thảo Nghị định sửa đổi thành phần hồ sơ, rút ngắn và bảo đảm minh bạch, khả thi về thời hạn giải quyết, trả kết quả và tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trên thực tiễn, cụ thể:

+ Về đăng ký khai sinh: Dự thảo Nghị định lược bỏ giấy tờ chứng minh việc nhập cảnh hợp pháp, thay bằng văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam và thời điểm nhập cảnh (*điểm e khoản 1 Điều 12*); bổ sung quy định về văn bản của cơ quan giám định hoặc cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền ở trong nước xác nhận quan hệ mẹ con để khắc phục vướng mắc thực tiễn: nhiều trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài được cha mẹ, người thân đưa về Việt Nam bằng đường tiểu ngạch, không có giấy tờ chứng minh về việc sinh và nhập cảnh hợp pháp nên gặp khó khăn khi đăng ký khai sinh, bảo đảm quyền đăng ký khai sinh của trẻ em (*điểm b khoản 1 Điều 12*).

Kế thừa quy định hiện hành, dự thảo Nghị định tiếp tục quy định hồ sơ đăng ký khai sinh phải có văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con đối với trường hợp trẻ có ít nhất một bên cha hoặc mẹ là người nước

ngoài; đồng thời bổ sung quy định áp dụng đối với trường hợp trẻ em có mẹ là người nước ngoài, cha không rõ là ai hoặc là người không quốc tịch, nhằm khắc phục khoảng trống của pháp luật hộ tịch hiện nay.

Đối với đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân, dự thảo Nghị định không liệt kê các giấy tờ phải nộp mà quy định theo hướng bao quát để tạo thuận lợi cho người có yêu cầu (*điểm a khoản 2 Điều 12*). Bên cạnh đó, thực tiễn có nhiều trường hợp (chủ yếu là người đã trưởng thành) sinh ra và sinh sống ổn định tại Việt Nam nhưng chưa được đăng ký khai sinh, không có giấy tờ chứng minh nhân thân, các cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để cấp giấy tờ khác. Bộ Tư pháp đã có nhiều hướng dẫn nhưng do chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng nên việc giải quyết còn khó khăn. Vì vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định cho phép thay thế bằng văn bản xác minh về nguồn gốc, nhân thân, quá trình cư trú của người đó tại địa phương.

Về nội dung đăng ký khai sinh: (i) dự thảo Nghị định sửa đổi cách xác định họ, chữ đệm, tên, dân tộc, quê quán của trẻ em để bảo đảm phù hợp với Bộ luật Dân sự và pháp luật về quốc tịch, trong đó có quy định về trường hợp trẻ em có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài thì tên của trẻ có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài (*điểm a khoản 1 Điều 16*); (ii) đối với đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ mà không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì thông tin được ghi theo kết quả xác minh, trường hợp kết quả xác minh không có thông tin thì để trống phần khai về cha, mẹ, tránh sự tùy nghi trong thực tiễn (*điểm d khoản 2 Điều 16*).

+ Đối với thủ tục đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn: dự thảo Nghị định bổ sung quy định chụp ảnh bên nam, bên nữ và số hóa vào hồ sơ; lược bỏ quy định bắt buộc tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn đối với trường hợp có yếu tố nước ngoài mà chỉ quy định “khuyến khích Ủy ban nhân dân tổ chức Lễ trao Giấy chứng nhận kết hôn tùy theo điều kiện địa phương”, tạo sự thống nhất trong giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn đối với tất cả các trường hợp quy định tại Điều 16 của Luật Hộ tịch (*khoản 5 Điều 18*). Đối với đăng ký lại kết hôn, dự thảo Nghị định quy định chặt chẽ hơn việc xác định ngày đăng ký kết hôn trước đây, chỉ được xác định căn cứ vào bản sao chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao từ Sổ đăng ký hộ tịch, hồ sơ, giấy tờ cá nhân có thông tin liên quan đến ngày đăng ký kết hôn hoặc qua kết quả xác minh (*khoản 2 Điều 19*).

+ Về đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ, giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ: Đáp ứng yêu cầu cắt giảm thủ tục hành chính, phù hợp phương châm “6 dễ” trong công tác xây dựng pháp luật (dễ hiểu,

dễ tiếp cận, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra và dễ giám sát), dự thảo Nghị định quy định còn 02 thủ tục, áp dụng chung một trình tự, thời hạn giải quyết: giám hộ (Điều 21) và giám sát việc giám hộ (Điều 22).

+ Đối với thủ tục đăng ký khai tử: dự thảo Nghị định cơ bản kế thừa quy định hiện hành về thành phần hồ sơ, trình tự giải quyết; đồng thời, quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 20 Luật Hộ tịch năm 2026 đối với trường hợp công dân Việt Nam chết ở nước ngoài, đã đưa thi thể, hài cốt, tro cốt về Việt Nam nhưng chưa được đăng ký khai tử tại Cơ quan đại diện hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, dự thảo Nghị định bổ sung thành phần hồ sơ là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, xác nhận công dân Việt Nam đã chết tại nước ngoài (Điều 30, Điều 31).

+ Về Ghi vào Sổ hộ tịch sự kiện, thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: để giải quyết vướng mắc phát sinh trên thực tiễn, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân – là thời điểm đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; trường hợp tại thời điểm đăng ký kết hôn ở nước ngoài không đáp ứng điều kiện kết hôn nhưng không vi phạm điều cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì thời điểm kết hôn được xác lập kể từ thời điểm đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam (khoản 2 Điều 36).

+ Để bảo đảm triển khai đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình, trên cơ sở quy định của Luật Hộ tịch năm 2026, dự thảo Nghị định không quy định người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch (như quy định tại Luật Hộ tịch năm 2014), trừ đăng ký kết hôn và đăng ký giám hộ. Sổ hộ tịch được chuyển từ sổ giấy sang sổ điện tử đối với tất cả các việc hộ tịch, chỉ duy trì sổ giấy đối với đăng ký kết hôn và đăng ký giám hộ. Biểu mẫu Tờ khai đăng ký hộ tịch, giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch do Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn cách ghi, cập nhật.

+ Đăng ký lưu động: dự thảo Nghị định thu hút quy định về đăng ký khai sinh, kết hôn, khai tử lưu động tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP nhằm bảo đảm thủ tục hành chính được quy định trong Nghị định của Chính phủ; đồng thời sửa đổi trình tự giải quyết theo hướng người thực hiện công tác hộ tịch hướng dẫn hoặc giúp người đăng ký hộ tịch nộp hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp, thực hiện trình tự giải quyết theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký giấy tờ hộ tịch và trả kết quả ngay tại địa điểm đăng ký lưu động (Điều 15, Điều 20 và Điều 33).

3.1.3. Về đăng ký khai sinh chủ động, đăng ký khai tử chủ động

- Về điều kiện và lộ trình: để bảo đảm tính khả thi, dự thảo Nghị định quy định việc đăng ký khai sinh chủ động, khai tử chủ động chỉ được triển khai khi trẻ em sinh ra, người chết tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã có hệ thống hoặc phần mềm quản lý khám, chữa bệnh được điều chỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và được Bộ Tư pháp phê duyệt, công bố việc kết nối; đồng thời người có trách nhiệm đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử đã cung cấp đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2026.

Về lộ trình, việc triển khai được thực hiện thí điểm từ ngày 01/01/2028 trên cơ sở phân loại đơn vị hành chính theo Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ; Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, các Bộ, ngành có liên quan và địa phương thực hiện thí điểm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thí điểm và đề xuất mở rộng phạm vi triển khai, bảo đảm từ ngày 01/01/2031 triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc (*Điều 11*).

- Về trình tự giải quyết: dự thảo Nghị định quy định người dân chỉ cần cung cấp thông tin mà không phải nộp hồ sơ đăng ký khai sinh, khai tử; hệ thống của các cơ quan được kết nối để chia sẻ dữ liệu; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tự động tạo lập hồ sơ đăng ký hộ tịch trên cơ sở dữ liệu nhận được; cơ quan nhà nước có trách nhiệm khai thác dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính. Người đăng ký hộ tịch được thông báo về kết quả giải quyết và có quyền xác nhận, từ chối hoặc yêu cầu điều chỉnh theo quy định của pháp luật (*Điều 14, Điều 32*).

3.1.4. Về Cơ sở dữ liệu hộ tịch, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch (Chương III)

Để quy định chi tiết các điều từ Điều 24 đến Điều 27 Luật Hộ tịch năm 2026, dự thảo Nghị định quy định 14 điều về xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch, cụ thể:

- Bên cạnh việc kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP và Thông tư số 01/2022/TT-BTP, để đáp ứng yêu cầu phát triển Cơ sở dữ liệu hộ tịch thành Cơ sở dữ liệu quốc gia theo Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định về vận hành, nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu hộ tịch; thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin; xóa, khôi phục dữ liệu; quản lý tài khoản người dùng; sao lưu, bảo đảm an toàn Cơ sở dữ liệu hộ tịch; đối chiếu, xử lý dữ liệu khi có sai lệch (*Mục 1 Chương III*).

- Đối với việc thu thập thông tin, trường hợp Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch không có thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm thu thập, bổ sung khi cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp bản chính, bản sao giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin thay đổi hộ tịch; đồng thời có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để đối chiếu, rà soát, làm sạch dữ liệu, bảo đảm Cơ sở dữ liệu hộ tịch “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Về phân cấp quản lý dữ liệu: Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt các đề nghị xóa dữ liệu hộ tịch điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã. Tuy nhiên, hộ tịch là công việc phát sinh hằng ngày, trong khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải giải quyết nhiều công việc quan trọng khác nên việc giao trách nhiệm này là chưa phù hợp. Vì vậy, dự thảo Nghị định giao Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt đề nghị xóa và khôi phục dữ liệu hộ tịch điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 3 Điều 42, khoản 3 Điều 43). Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu cấp giấy tờ hộ tịch điện tử, dự thảo Nghị định mở rộng thẩm quyền của Sở Tư pháp trong việc quản lý, cấp, thu hồi, thay đổi tài khoản người dùng tại Ủy ban nhân dân cấp xã (*khoản 3 Điều 44*).

- Về khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch: theo nguyên tắc của Luật Hộ tịch, cá nhân, cơ quan, tổ chức được yêu cầu tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào trên toàn quốc, không phụ thuộc nơi cư trú; trình tự, thủ tục cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, cấp xác nhận thông tin hộ tịch và xác nhận tình trạng hôn nhân được thực hiện trên cơ sở cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm khai thác dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu hộ tịch để trả kết quả (*Điều 47, Điều 48, Điều 49*). Dự thảo Nghị định cũng bổ sung quy định về giá trị sử dụng của thông tin về tình trạng hôn nhân đã được tích hợp trên VNeID, theo đó người dân có thể sử dụng thông tin này để thực hiện các giao dịch dân sự mà không cần yêu cầu cấp văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân (*khoản 4 Điều 49*).

3.1.5. Về trách nhiệm của cơ quan nhà nước về hộ tịch và người làm công tác hộ tịch (Chương IV)

- Luật Hộ tịch năm 2026 chỉ dành 01 điều quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước về hộ tịch, không quy định nội dung quản lý và nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo hướng kế thừa các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, đồng thời rà soát,

sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường quản lý nhà nước, thực hiện chủ trương cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin.

Dự thảo Nghị định cũng quy định nhiệm vụ của các Bộ, ngành có liên quan, như: Bộ Y tế phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện đăng ký khai sinh, khai tử chủ động; Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành khác trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ tịch; cung cấp thông tin, đối chiếu, kiểm tra, điều chỉnh thông tin hộ tịch của cá nhân trong cơ sở dữ liệu do Bộ, ngành quản lý khi không thống nhất với Cơ sở dữ liệu hộ tịch (*Mục 1 Chương IV*).

- Về người làm công tác hộ tịch: theo Điều 72 Luật Hộ tịch năm 2014, công chức tư pháp – hộ tịch cấp xã chỉ yêu cầu có trình độ từ trung cấp luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch. Bảo đảm đáp ứng yêu cầu công việc và nhiệm vụ đầy mạnh đăng ký, quản lý hộ tịch trên nền tảng số, đồng thời thực hiện các việc đăng ký hộ tịch từ Ủy ban nhân dân cấp huyện trước đây chuyển xuống, dự thảo Nghị định quy định người làm công tác hộ tịch ở Ủy ban nhân dân cấp xã phải đáp ứng các tiêu chuẩn: (i) có trình độ cử nhân luật trở lên; (ii) đã được bồi dưỡng và cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch của Bộ Tư pháp; (iii) có trình độ công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuyển dụng, bố trí, bồi dưỡng người làm công tác hộ tịch cũng được sửa đổi để phù hợp với Luật Cán bộ, công chức năm 2025 (*Điều 56, Điều 57 và Điều 58*).

3.2. Về tính tương thích với điều ước quốc tế; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bình đẳng giới và chính sách dân tộc

Các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em; Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật.

Các quy định của dự thảo Nghị định bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới và không ảnh hưởng đến các chính sách dân tộc.

3.3. Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết thành phần hồ sơ, thời hạn, trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc nơi cư trú:

- Luật Hộ tịch năm 2014 và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP đang chia các thủ tục hành chính theo các sự kiện, thông tin đăng ký hộ tịch trong nước và có yếu tố nước ngoài; đồng thời còn chia nhỏ các loại việc hộ tịch có cùng tính chất thành các thủ tục khác nhau. Vì vậy, hiện nay có tới 39 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch. Để cải cách thủ tục hành chính dự thảo Nghị định sửa đổi quy định hiện hành theo hướng không chia nhỏ các loại việc có tính chất tương tự thành các thủ tục hành chính khác nhau, cắt giảm một số thủ tục không cần thiết nên theo dự thảo Nghị định còn 15 thủ tục hành chính đăng ký hộ tịch¹.

- Dự thảo Nghị định cũng quy định về cắt giảm thành phần hồ sơ theo nguyên tắc: cơ quan đăng ký hộ tịch khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử từ các cơ sở dữ liệu để giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch, không yêu cầu người dân phải nộp, xuất trình, cung cấp lại nếu khai thác được dữ liệu.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: dự thảo Nghị định đã cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính về hộ tịch so với quy định hiện hành.

- Bổ sung quy định cho phép đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử “chủ động” đối với các trường hợp sinh hoặc tử vong tại cơ sở khám, chữa bệnh và dữ liệu đăng ký khai sinh, khai tử được kết nối, chia sẻ tới hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử.

¹ Bao gồm: Đăng ký khai sinh; đăng ký khai sinh lưu động; đăng ký kết hôn; đăng ký lại kết hôn; đăng ký kết hôn lưu động; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ; đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ; đăng ký nhận cha, mẹ, con; đăng ký thay đổi thông tin hộ tịch; đăng ký khai tử; đăng ký khai tử chủ động; đăng ký khai tử lưu động; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết ở cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài; cấp bản sao giấy tờ hộ tịch; cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch; cấp văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VÀ THỜI GIAN TRÌNH NGHỊ ĐỊNH

- Về nhân lực: nguồn nhân lực bảo đảm triển khai thi hành Nghị định là đội ngũ hiện đang làm công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại cơ quan Trung ương và địa phương.

- Về kinh phí, điều kiện bảo đảm: Ngoài kinh phí phục vụ cho việc nâng cấp Cơ sở dữ liệu hộ tịch thành Cơ sở dữ liệu quốc gia; mở rộng, cập nhật các hệ thống phần mềm phục vụ nghiệp vụ đăng ký quản lý hộ tịch thuộc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hiện nay (dự kiến: 117 tỷ), việc tổ chức thi hành Nghị định là công việc thường xuyên của cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch các cấp, nên về cơ bản không làm phát sinh nhu cầu về kinh phí và điều kiện bảo đảm mới.

- Về thời gian có hiệu lực thi hành: từ ngày 01/3/2027, cùng thời điểm có hiệu lực của Luật Hộ tịch năm 2026.

- Về thời gian trình: theo đúng thời hạn tại Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 29/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản thuyết minh; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (6) Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (7) Báo cáo thẩm định; (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, Cục HCTP (3b).

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Thanh Tùng